TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 12/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Huy Sơn

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2023/TLST-HS, ngày 27 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Ngô Hoàng T, sinh ngày 03/03/1982, tại huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng (bị cáo có mặt tại phiên tòa). Nơi cư trú: ấp N, xã Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Hoàng Tr và bà Phạm Thị H; anh, em ruột có 05 người; vợ tên Nguyễn Thị Bích T1 con có 02 người (sinh năm 2012 và năm 2018); tiền án: không có; tiền sự: không;. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/01/2023 cho đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo T : ông Nguyễn Văn Ninh, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm T, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

2. Bà Lê Ngọc L, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm T, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm: 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng*

1. ông Văn Công Việt C, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm T, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. ông Lê Hoàng D, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm T, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong lúc chăm sóc người nhà bị bệnh đang nằm điều trị tại Trung tâm y tế huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo Ngô Hoàng T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài cá nhân, nên khoảng 23 giờ ngày 24/11/2022, bị cáo Ngô Hoàng T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P4-358.74 đi từ Trung tâm y tế huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng trên tuyến Quốc lộ 61B về hướng thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, để tìm tài sản lấy trộm.

Đến khoảng 00 giờ ngày 25/11/2022, T điều khiển xe mô tô đi đến cầu Thiện Lai thuộc khóm Tân Chánh, Phường 2, thị xã Ngã Năm vừa qua cầu thì T dừng xe lại, xuống xe đi bộ tìm tài sản để trộm cắp, T nhìn thấy nhà bà Lê Ngọc L ở gần đó, T quan sát thấy cửa trước nhà bà L bị Khóa nên đi vòng qua phía sau xem, thấy cửa nhà sau không khóa mà chỉ buộc lại bằng sợi dây, nên T dùng tay mở sợi dây ra rồi đi vào bên trong nhà bà L. Sau đó T đi đến chỗ giường ngủ của bà Trần Thị H (mẹ bà L) vén mùng lên lấy 02 điện thoại di động cầm trên tay, xong T lấy 01 đèn pin đội đầu để trên bàn rồi tiếp tục đến khu vực để quần áo lục soát và lấy số tiền 372.000 đồng trong túi áo của bà L treo trên cột nhà.

Khi lấy được tài sản, T đi trở ra đến hông nhà sau, tháo sim điện thoại di động Mobel ra và tắt nguồn điện thoại di động Redmi 9A. T đi đến chỗ đậu xe mô tô để điện thoại, đèn pin lấy trộm được vào cốp xe, tiền lấy trộm được T để vào túi quần sọt mặc trên người và lên xe chạy về hướng cầu Lâm Trà. Đến nhà ông Văn Công Việt C thuộc khóm Tân Quới, Phường 2, thị xã Ngã Năm, T đậu xe mô tô trên lộ đal định đi vào nhà ông C tìm tài sản lấy trộm. Khi T đến sân trước nhà ông C, thấy đèn trước nhà ông C sáng và đóng cửa nên T đi trở ra xe mô tô. Lúc này ông C phát hiện nên mở cửa truy đuổi theo T và yêu cầu T dừng lại, đồng thời truy hô những người ở địa phương đến tiếp. T sợ người khác phát hiện điện thoại trộm cắp được nên T mở cốp xe mô tô và lấy điện thoại Redmi 9A ném xuống mương nước gần đó.

Nhận được tin báo Công an Phường 2, thị xã Ngã Năm đã đến hiện trường kiểm tra phát hiện trong cốp xe mô tô BKS 83P4-358.74 có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobel; 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu WATERPROOF HEAD LAMP; 01

cây kiềm bằng kim loại dài 16cm, tay cầm có ốp nhựa bên ngoài màu đỏ đen, trên có ghi chữ MEINFA; 01 đoạn dây bằng kim loại màu xám dài 30,5cm và giấy đăng ký xe mô tô, giấy tờ tùy thân của T. Tiếp tục kiểm tra trên người của T, phát hiện trong túi quần sọt bên trái có số tiền 672.000 đồng nên Công an Phường 2 tiến hành lập biên bản và đưa T về trụ sở Công an để về làm việc và chuyển vụ việc trên đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã Ngã Năm để thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 29/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự thị xã Ngã Năm kết luận: Giá trị còn lại của điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A là 1.350.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu Mobel màu xám là 250.000 đồng; đèn pin đội đầu màu đen nhãn hiệu WATERPROOF HEAD LAMP là 127.000 đồng. Tổng giá trị còn lại của những tài sản nêu trên là 1.727.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSNN ngày 26 tháng 02 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm truy tố bị cáo Ngô Hoàng T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đồng thời, đề nghị HĐXX xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Về tình tiết tăng nặng bị cáo T không có. Về tình tiết giảm nhẹ đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo T; Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 03 tháng đến 05 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83P4-358.74 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo nên đề nghị tịch thu 50% giá trị chiếc xe để sung vào công quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 300.000 đồng, 01 cây kiềm bằng kim loại, 01 đoạn dây bằng kim loại là tài sản của bị cáo nên đề nghị trả cho bị cá T.

Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội.

Người bào chữa cho bị cáo T thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, về tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Về xử lý vật chứng đề nghị trả lại cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2]. Đối với việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng đã có lời khai làm rõ các tình tiết vụ án, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292; Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3]. Tại phiên tòa bị cáo Ngô Hoàng T khai nhận: do không có tiền tiêu xài cho cá nhân, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên vào khoảng 00 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 11 năm 2022, bị cáo T đi từ huyện Thạnh Trị đến khóm Tân Thành A, phường 2, thị xã Ngã Năm rồi lén lút đột nhập vào nhà của bà Trần Thị H lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobel; 01 đèn đội đầu hiệu WATERPROOF HEAD LAMP của bà Trần Thị H và số tiền 372.000 đồng của bà Lê Ngọc L, qua định giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 2.099.000 đồng.

Sau đó bị cáo đi đến khóm Tân Quới, phường 2, thị xã Ngã Năm với mục đích tìm tài sản của người khác để trộm thì bị phát hiện bắt giữ.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Bị cáo T lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại H và bị hại L có tổng giá trị là 2.099.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Ngô Hoàng T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm truy tố đối với hành vi của bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Tuy nhiên, xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu và xin cho bị cáo hưởng án treo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm i, điểm s, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về vật chứng: bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83P4-358.74 làm phương tiện phạm tội, tuy nhiên đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo nên đề nghị tịch thu 50% giá trị chiếc xe để sung vào công quỹ Nhà nước và trả lại 50% giá trị chiếc xe cho bà Nguyễn Thị Bích T1.

Đối với các vật chứng là số tiền 300.000 đồng, 01 cây kiềm bằng kim loại có ghi chữ MEINFA, 01 đoạn dây bằng kim loại màu xám dài 30,5m là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo T.

[7]. Xét lời đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng pháp luật là có căn cứ, về tình tiết giảm nhẹ người bào chữa cho rằng bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, như đã phân tích trên tài sản bị cáo trộm đã thu hồi trả cho bị hại xong nên gây thiệt hại không lớn là có căn cứ chấp nhận. về mức hình phạt, mặc dù bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên tình hình tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu ngày càng gia tăng, bị cáo xem thường pháp luật nên nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo thành công dân tốt sau này và Hội đồng xét xử có xem xét xử phạt tù bị cáo ở mức khởi điểm như đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà bị cáo gây ra.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83P4-358.74 bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần thiết phải tịch thu một phần để sung vào công quỹ Nhà nước nên đề nghị của người bào chữa là chưa có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên về việc áp dụng pháp luật là có căn cứ, về mức hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét xử phạt tù bị cáo ở mức khởi điểm như đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà bị cáo gây ra.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí cho bị cáo T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Ngô Hoàng T.

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Hoàng T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

1. Xử phạt bị cáo Ngô Hoàng T 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án hoặc bị cáo tự nguyện thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về vật chứng: căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu 50% giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, biển kiểm soát 83P4-358.74 số máy JC90E0002737, số khung RLHJC64LY001078 cùng giấy chứng nhận mô tô xe máy số 83000146 mang tên Ngô Hoàng T để sung vào công quỹ Nhà nước và trả lại 50% giá trị chiếc xe cho bà Nguyễn Thị Bích T1.

Trả cho bị cáo T số tiền 300.000 đồng, 01 cây kiềm bằng kim loại có ghi chữ MEINFA, 01 đoạn dây bằng kim loại màu xám dài 30,5cm.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo được miễn tiền phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (1);
- Phòng KTNV và THA- TAT Sóc Trăng(1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng(1);
- VKSND thị xã Ngã Năm(1);
- CAND thị xã Ngã Năm(1);
- CQĐT Công an thị xã Ngã Năm(1);
- Các bị cáo(1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).
- Bộ phận lưu trữ (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trúc Phương